



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
TRUNG ƯƠNG CPC1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 954/CPC1-CNHCM
V/v thay đổi thông tin thuốc trúng thầu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2024

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 xin cảm ơn sự ủng hộ và hợp tác của Quý Sở Y tế trong suốt thời gian qua.

Căn cứ Quyết định số 8/QĐ-SYT ngày 05/01/2024 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 1: Gói thầu thuốc Generic và vắc xin năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-QLD ngày 21/03/2024 Về việc ban hành Danh mục 881 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193 (bản sao đính kèm công văn), trong đó mặt hàng thuốc **Atirlic forte (Hoạt chất: Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon)** được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm, thông tin cụ thể như sau:

TT	Mã hàng	Tên thuốc	Cơ sở sản xuất – Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số đăng ký trên QĐTT	Số đăng ký xin được thay đổi	Ghi chú
1	G10797	Atirlic forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên – Việt Nam	Gói	VD-26750-17	893100203224	Ngoài thay đổi thông tin số đăng ký thì các thông tin còn lại không thay đổi so với Hồ sơ dự thầu và Kết quả trúng thầu

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu khám chữa bệnh tại Quý Sở Y tế và các cơ sở y tế, Công ty chúng tôi xin được tiếp tục cung ứng thuốc trên theo thông tin điều chỉnh và đồng thời cam kết việc thay đổi này không ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp cũng như cam kết tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của thuốc không thay đổi.

Kính mong Quý Sở Y tế xem xét và chấp thuận.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Sở Y tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Ban Kinh doanh, VT.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC**



DS. ĐÀO THỊ HẰNG

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH

CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM

CON 88A Giảng Võ - Hà Nội - Việt Nam

Tel: 84.4.38234758/83/38454413 - Fax: 84.4.38234758

DƯỢC PHẨM

AN THIÊN

QUẬN 8 - TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH SẢN PHẨM
MARKETING AUTHORIZATION

Tên thuốc

Name of Drug:

Thành phần chính, hàm lượng

Active Ingredients, Strength:

Qui cách đóng gói, bào chế

Packing Size, Dosage form:

Tiêu chuẩn chất lượng

Quality Specification:

Hạn dùng

Shelf-life:

Số giấy phép lưu hành sản phẩm (SĐK):

Marketing Authorization Number:

Số quyết định

Approval Decision Number:

Hiệu lực của giấy phép lưu hành sản phẩm: có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp

Expiration Date of this Marketing Authorization:

Tên cơ sở đăng ký

Name of Marketing Authorization Holder

Địa chỉ

Address:

Tên cơ sở sản xuất

Name of Manufacturer:

Địa chỉ

Address:

Tên cơ sở đóng gói

Name of Assembler

Địa chỉ

Address:

Antilox forte

Mỗi gói 10g chứa: Magnesi hydroxyd 800mg; Nhôm hydroxyd (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel khô) 800mg; Simethicon (dưới dạng Simethicon nhũ dịch 30%) 100mg

Hộp 20 gói X 10g, hộp 50 gói x 10g; Hỗn dịch uống

TCCS

24 tháng

VD-26750-17

229/QĐ-QLD

Ngày cấp: 22/6/2017

Date of Issuance:

Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên

314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên

C16, đường số 9, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2017.

KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

FOR GENERAL-DIRECTOR OF THE DRUG ADMINISTRATION OF VIETNAM

PHÓ CỤC TRƯỞNG

DEPUTY GENERAL-DIRECTOR

Ghi chú: (Note)

1- Giấy phép lưu hành sản phẩm này được cấp theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế phê duyệt.

This marketing authorization has been issued in accordance with the dossier approved by the Vietnam Ministry of Health.

2- Bất cứ sự thay đổi nào về nội dung của giấy phép phải được Cục Quản lý dược - Bộ Y tế xác nhận.

Any variations of the contents of the marketing authorization are required to be adopted by the Drug Administration of Vietnam.

NGUYỄN TÁT ĐẠT



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15389 /QLD-ĐK
Về thay đổi tên thuốc, mẫu nhãn và
tờ hướng dẫn sử dụng

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
Địa chỉ: 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 24/7/2018, Cục Quản lý Dược nhận được văn thư đề ngày 4/7/2018 của công ty (số tiếp nhận 1108/BSTĐTN) về việc bổ sung hồ sơ theo yêu cầu tại công văn số 11044/QLD-ĐK ngày 13/6/2018 của Cục Quản lý Dược liên quan đến việc thay đổi tên thuốc, mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng đối với thuốc sản xuất trong nước đã được cấp số đăng ký lưu hành.

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc;

Căn cứ Biên bản thẩm định hồ sơ thay đổi/bổ sung của công ty, Cục Quản lý Dược có ý kiến như sau:

1. Đồng ý để công ty được thay đổi tên thuốc, mẫu nhãn đối với thuốc Antilox forte, số đăng ký: VD-26750-17, cụ thể như sau:

1.1. Thay đổi tên thuốc:

- Tên thuốc đã phê duyệt: Antilox forte.
- Tên thuốc thay đổi: Atirlic forte.

1.2. Thay đổi mẫu nhãn: Mẫu nhãn thay đổi được đóng dấu xác nhận của Cục Quản lý Dược kèm theo Công văn này.

Ngoài nội dung được thay đổi trên, tất cả các nội dung khác giữ nguyên như hồ sơ đăng ký thuốc lưu tại Cục Quản lý Dược.

Công ty đăng ký, nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm về chất lượng đối với thuốc lưu hành trên thị trường và có trách nhiệm thông báo sự thay đổi này đến các cơ quan liên quan và khách hàng.

Sau 06 tháng kể từ ngày ký công văn này, công ty không được sản xuất thuốc trên với các nội dung cũ đã đề nghị thay đổi.

2. Đối với nội dung thay đổi tờ hướng dẫn sử dụng: Đề nghị công ty nộp hồ sơ nộp hồ sơ thay đổi, bổ sung đối với thuốc đã được cấp số đăng ký lưu hành khác để thực hiện việc thay đổi.

Cục Quản lý Dược thông báo để công ty biết và thực hiện đúng các quy định của Việt Nam về lưu hành thuốc./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT. Vũ Tuấn Cường (để b/c);
- Lưu: VT, ĐK (Chỉ).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tất Đạt



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Số: 181 /QĐ-QLD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục 881 thuốc sản xuất trong nước
được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuốc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 193 tại Công văn số 15/HĐTV-VPHĐ ngày 19/02/2024 của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 881 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193, cụ thể:

1. Danh mục 595 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục 285 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*).

3. Danh mục 01 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực đến 31/12/2025 (*Phụ lục III kèm theo*).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực



hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính (bao gồm cả mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

8. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

9. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐKT (C.H) (02b).



CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục II
DANH MỤC 285 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM - ĐỢT 193

(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-QLD ngày 21 tháng 03 năm 2024
của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần DTS Việt Nam (Địa chỉ: Số 18, tổ 51, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: Số 415 Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam)

1	Ubiheal 200	Alpha lipoic acid (thioctic acid) 200mg	Viên nang mềm	Hộp 5 vỉ x 6 viên; Hộp 10 vỉ x 6 viên, vỉ nhôm - PVC	NSX	36	893110195924 (VD-26669-17)	1
2	Ubiheal 300	Acid thioctic 300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên, vỉ Alu-Alu	USP hiện hành	36	893110196024 (VD-27692-17)	1

2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Địa chỉ: Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam)

3	Aceffex	Vitamin A (Retinol palmitat) 300IU; Vitamin D3 (Cholecalciferol) 50IU; Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) 3mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 3mg; Vitamin PP (Nicotinamid) 10mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 3mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 5µg (mcg); Sắt sulfat 16,5mg; Calci glycerophosphat 5mg; Magnesi gluconat 5mg; Lysine HCl 25mg	Viên nang mềm	Hộp 12 vỉ x 5 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	30	893100196124 (VD-17472-12)	1
4	Ausginin	L-Ornithine L- Aspartate 500mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	30	893110196224 (VD-27955-17)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

15.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A (Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 3, Xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

57	Maxxhepa urso 300	Acid ursodeoxycholic 300mg	Viên nang mềm	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên, Hộp 1 túi x 3 vi x 10 viên, Hộp	NSX	36	893110201524 (VD-29676-18)	1
58	Sosdol Fort	Diclofenac kali 50mg	Viên nang mềm	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên; Hộp 1 túi x 3 vi x 10 viên; Hộp 1 túi x 10 vi x 10 viên, vi bấm nhôm-PVC	NSX	36	893110201624 (VD-27780-17)	1
59	Usalukast 4 ODT	Montelukast (dưới dạng montelukast natri) 4mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 1 vi x 10 viên, Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên, vi bấm nhôm - nhôm	NSX	24	893110201724 (VD-26741-17)	1

16. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: 314 Bông Sao, phường 5, quận 8, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

16.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: Lô C16, Đường số 9, khu công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

60	A.T Arginin	Arginin hydroclorid 400mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	24	893110201824 (VD-25622-16)	1
61	A.T Arginin 200	Arginin hydroclorid 200mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	24	893110201924 (VD-25623-16)	1
62	A.T Calcium cort	Mỗi 10ml chứa: Calci glucoheptonat 1100mg; Vitamin C 100mg; Vitamin PP 50mg	Dung dịch uống	Hộp 20 ống, 30 ống x 10ml	NSX	36	893100202024 (VD-28849-18)	1
63	A.T Glutathione 300 inj	Glutathion 300mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm + 1 ống dung môi 8ml, hộp 3 lọ bột đông khô pha tiêm + 3 ống dung môi 8ml, hộp 5 lọ bột đông khô pha tiêm + 5 ống dung môi 8ml	NSX	24	893110202124 (VD-24729-16)	1
64	A.T Zinc siro	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat) 10mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 5ml; Hộp 1 chai 30ml, 60ml, 100ml	NSX	36	893110202224 (VD-25649-16)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
73	Atirlic	Magnesi hydroxyd 800,4mg; Nhôm hydroxyd gel 3030,3mg	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói, 50 gói x 15g	NSX	24	893100203124 (VD-26749-17)	1
74	Atirlic forte	Magnesi hydroxyd 800mg; Nhôm hydroxyd (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel khô) 800mg; Simethicon (dưới dạng Simethicon nhũ dịch 30%) 100mg	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói, 50 gói x 10g	NSX	24	893100203224 (VD-26750-17)	1
75	Ivermectin 6 A.T	Ivermectin 6mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi, 10 vi x 4 viên; Hộp 1 chai 30 viên	NSX	24	893110203324 (VD-26110-17)	1
76	Metpredni 16 A.T	Methylprednisolon 16mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vi, 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên, 200 viên	NSX	36	893110203424 (VD-25658-16)	1
77	Paracetamol A.T inj	Paracetamol 300mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 2ml	NSX	24	893110203524 (VD-26757-17)	1

17. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

17.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

78	Bozypaine	Cetylpyridinium clorid 1,5mg	Viên nén ngậm	Hộp 01 tuýp x 24 viên, tuýp nhựa trắng; Hộp 02 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên, vi Al/PVC	NSX	36	893110203624 (VD-28659-18)	1
79	Effer-paralmax codein 10	Paracetamol 500mg; Codein phosphat hemihidrat 10mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 05 vi x 04 viên, Hộp 10 vi x 04 viên, vi xé Al/Al	NSX	36	893111203724 (VD-29694-18)	1

18. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

18.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

80	Biosoft	Vitamin H (biotin) 10mg	Viên nang mềm	Hộp 2 vi x 15 viên; Hộp 4 vi x 15 viên; Hộp 6 vi x 15 viên	NSX	30	893100203824 (VD-29705-18)	1
----	---------	-------------------------	---------------	--	-----	----	----------------------------	---